CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH VÀ CÁC CÔNG TY CON.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

- *Đơn vị tính: VND*

TÀI SẢN	*Mã số*	*Thuyết minh*	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**438,114,207,822**	**268,798,230,605**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**78,033,220,158**	**39,657,925,466**
1.Tiền	111	5.1	21,033,220,158	21,407,925,466
2. Các khoản tương đương tiền	112		57,000,000,000	18,250,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	5.2	**92,630,868,393**	**163,739,919,793**
1. Phải thu khách hàng	131		1,684,523,482	3,332,832,982
2. Trả trước cho người bán	132		28,330,539,875	100,620,860,810
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Các khoản phải thu khác	135D		62,615,805,036	59,786,226,001
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	
IV. Hàng tồn kho	**140**	5.3	**167,479,097,175**	**47,387,503,957**
1. Hàng tồn kho	141		167,479,097,175	47,387,503,957
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**99,971,022,096**	**18,012,881,389**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,633,656,901	101,567,988
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		512,280,238	1,800,472,422
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		8,310,315	3,307,409
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	97,816,774,642	16,107,533,570
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**107,985,972,906**	**36,441,355,057**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH VÀ CÁC CÔNG TY CON.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

II. Tài sản cố định	**220**		**9,598,224,956**	**2,479,729,265**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	7,881,009,575	2,284,089,475
- Nguyên giá	*222*		*9,441,919,970*	*2,928,924,773*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(1,560,910,395)*	*(644,835,298)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	137,261,881	195,639,790
- Nguyên giá	*228*		*237,836,330*	*223,588,330*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(100,574,449)*	*(27,948,540)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1,579,953,500	-
III. Bất động sản đầu tư	**240**		**-**	**-**
- Nguyên giá	241		-	
- Giá trị hao mòn luỹ kế	242		-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**64,177,694,263**	**1,390,000,000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	64,550,570,000	1,390,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(372,875,737)	
V. Lợi thế Thương Mại	**260**	5.8	29,002,881,447	32,126,751,616
VI. Tài sản dài hạn khác	**270**		**5,207,172,240**	**444,874,176**
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		4,290,814,440	444,874,176
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	
3. Tài sản dài hạn khác	278		916,357,800	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**546,100,180,728**	**305,239,585,662**

NGUỒN VỐN	*Mã số*	Thuyết minh	*Số cuối kỳ*	*Số đầu năm*
A - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**396,042,673,853**	**189,603,243,751**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**385,529,799,050**	**186,543,243,751**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	119,980,000,000	16,000,000,000
2. Phải trả người bán	312	5.10	883,459,788	9,996,901,057
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	222,220,662,715	148,834,348,392
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	10,319,540,448	3,879,576,848
5. Phải trả người lao động	315		3,879,907,892	2,350,505,263
6. Chi phí phải trả	316		259,949,495	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319h	5.12	27,986,278,712	5,481,912,191
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	
II. Nợ dài hạn	**330**		**10,512,874,803**	**3,060,000,000**
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN DV- XD ĐỊA ỐC
ĐẤT XANH®
NHÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH VÀ CÁC CÔNG TY CON.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		3,080,674,803	3,000,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334		7,432,200,000	60,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**122,889,449,066**	**90,643,093,526**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	5.13	**122,828,894,677**	90,468,702,784
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3,420,000,000	3,420,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		683,261,215	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		683,261,215	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		38,042,372,247	7,048,702,784
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**60,554,389**	**174,390,742**
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		60,554,389	174,390,742
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**500**	5.14	**27,168,057,809**	**24,993,248,385**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**546,100,180,728**	**305,239,585,662**
			-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	*Số cuối kỳ*	*Số đầu năm*
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	
5. Ngoại tệ các loại:				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	

TP. Hồ Chí Minh , Ngày 20 tháng 10 Năm 2010

Kế toán trưởng — **Tổng Giám đốc**

ĐỖ THỊ THÁI — **LƯƠNG TRÍ THÌN**

CÔNG TY CỔ PHẦN DV- XD ĐỊA ỐC
ĐẤT XANH®
NHÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH VÀ CÁC CÔNG TY CON.
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc quý IV năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Lũy kế
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	*6.1*	25,402,081,191	84,909,410,818
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		25,402,081,191	**84,909,410,818**
4. Giá vốn hàng bán	11	*6.2*	2,161,475,149	6,118,711,382
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		23,240,606,042	**78,790,699,436**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	*6.3*	1,516,193,258	4,320,678,536
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		376,821,987	378,238,653
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		3,946,250	*1,416,666*
8. Chi phí bán hàng	24	*6.4*	4,869,237,368	18,678,027,708
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	*6.5*	7,988,195,306	23,747,132,712
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		11,522,544,639	**40,307,978,899**
11. Thu nhập khác	31		6,392,654,457	6,619,393,933
12. Chi phí khác	32		4,902,433	18,833,931
13. Lợi nhuận khác	**40**		6,387,752,024	**6,600,560,002**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		17,910,296,663	**46,908,538,901**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3,331,502,508	9,269,279,681
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		14,578,794,155	**37,639,259,220**
18. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	**61**			**-**
19. Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	**62**		(2,757,248)	**(124,193,885)**
20. Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	**63**		14,581,551,403	**37,763,453,105**
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**		1,822	**4,720**

TP. Hồ Chí Minh , Ngày 20 tháng 01 Năm 2010

Kế toán trưởng | **Tổng Giám đốc**

ĐỖ THỊ THÁI | **LƯƠNG TRÍ THÌN**

CÔNG TY CỔ PHẦN DV- XD ĐỊA ỐC
ĐẤT XANH®
NHÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số: 2632
Ngày 20 tháng 1 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH VÀ CÁC CÔNG TY CON.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào quý IV năm 2009

Đơn vị tính là Đồng việt Nam trừ khi có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	46,908,538,901
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ	02	988,701,006
- Các khoản dự phòng	03	372,875,737
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4,320,678,536)
- Chi phí lãi vay	06	5,362,916
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*	**43,954,800,024**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7,048,777,203
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(87,936,477,676)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	92,355,828,138
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1,711,414,590)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(8,139,873,582)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6,135,023,023)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	179,276,273,726
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(255,472,106,367)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	***(36,759,216,147)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8,082,248,697)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25,796,800,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,320,678,536
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	***(29,558,370,161)***

các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của thuyết minh báo cáo tài chánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DV- XD ĐỊA ỐC
ĐẤT XANH®
NHÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH VÀ CÁC CÔNG TY CON.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào quý IV năm 2009

Đơn vị tính là Đồng việt Nam trừ khi có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2,040,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	143,451,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(36,098,800,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4,699,319,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	**104,692,881,000**
		-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	*50*	**38,375,294,692**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	*60*	**39,657,925,466**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	*70*	**78,033,220,158**

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 01 Năm 2010.

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỖ THỊ THÁI	LƯƠNG TRÍ THÌN

các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của thuyết minh báo cáo tài chánh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2009 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1.1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập do chuyển đổi từ Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Địa ốc Đất Xanh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103008531 ngày 23/11/2007 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103008531 ngày 23/11/2007 là 15.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103008531 thay đổi lần thứ 4 ngày 17/01/2008 là 80.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính được đặt tại số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Mỹ Phước 2 được đặt tại C1-26, TC3, Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh Trung tâm Bình Dương được đặt tại 408 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh Đồng Nai được đặt tại số 11, lô C1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Kinh doanh nhà.
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất.
- Tư vấn bất động sản (trừ các dịch vụ mang tính chất pháp lý).
- Tư vấn đầu tư.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp.
- Sửa chữa nhà.
- Trang trí nội thất.
- Cho thuê nhà ở, xưởng, văn phòng.
- Lập dự án đầu tư (báo cáo tiền khả thi, khả thi).
- San lấp mặt bằng.

1.3. Tổng số công ty con:

Số lượng các công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm 3 công ty như trình bày ở phần 1.4

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đất Xanh

  Địa chỉ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty TNHH Xây dựng – Thương Mại – Dịch vụ Hà Thuận Hùng

  Địa chỉ: 48/2B Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đất Xanh Tây Bắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2009 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Địa chỉ: số 70 Trường Chinh, P. Tân Hưng Thuận, Quận 12, TP HCM

2. Niên độ kết toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

2.1. Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chuẩn Mực và Chế độ Kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức Kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào Công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

4. Các chính sách kế toán áp dụng:

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính:

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh và báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính quý 4 năm 2009 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho kỳ với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi thế thương mại được xác định bằng chênh lệch giữa chi phí mua và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tối đa không quá 10 năm.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền:

- *Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền*

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- *Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch

toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

- *Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ*

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

- *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- *Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi*

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

- *Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- *Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	03-06 năm
Phương tiện vận tải	05-10 năm
Thiết bị văn phòng	03-06 năm
Tài sản cố định vô hình	03-06 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Ghi nhận cổ tức:

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Theo điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa Ốc Đất Xanh, lợi nhuận sau thuế

trước khi chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ góp vốn được phân phối như sau :

+ Quỹ dự phòng tài chính

+ Quỹ đầu tư phát triển

+ Quỹ khen thưởng phúc lợi.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.9. Thuế:

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Theo hướng dẫn tại Công văn Số 3338/TCT-PCCS ngày 08 tháng 09 năm 2006 của Tổng Cục thuế

về việc chi phí hợp lý được trừ để tính thu nhập chịu thuế thì Công ty TNHH DV- XD Địa Ốc Đất Xanh nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa Ốc Đất Xanh được khấu trừ toàn bộ chi phí quảng cáo khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp nếu có đủ hóa đơn chứng từ hợp pháp theo quy định.

Các báo cáo thuế của các công ty trong tập đoàn chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các Công ty trong tập đoàn.

4.10. Các bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.11. Số liệu so sánh:

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2009 được hợp nhất tại ngày 31/12/2009, nên số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009 được lấy từ báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán :

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm
- Tiền mặt	1.529.575.376		860.702.949
- Tiền gửi ngân hàng	19.503.644.782		20.547.222.517
- Các khoản tương đương tiền	57.000.000.000	(*)	18.250.000.000
Tổng cộng	**78.033.220.158**		**39.657.925.466**

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT CN 11	2.000.000.000	-
- Ngân hàng Tiên Phong	20.000.000.000	-
- NH Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long	15.000.000.000	-
- Ngân hàng Nam Việt	-	2.150.000.000
- Ngân hàng Liên Việt	20.000.000.000	2.300.000.000
- Ngân hàng Công Thương	-	13.800.000.000
Tổng cộng	**57.000.000.000**	**18.250.000.000**

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm
- Phải thu khách hàng	1.684.523.482		3.332.832.982
- Trả trước cho người bán	28.330.539.875	(1)	100.620.860.810
- Các khoản phải thu khác	62.615.805.036	(2)	59.786.226.001
Giá trị thuần của các khoản phải thu	**92.630.868.393**		**163.739.919.793**

(1) Trong đó, khoản trả trước cho Công ty TNHH Xây Dựng Võ Đình là 22.874.610.995 đồng để xây dựng dự án Sunview.

(2) Chi tiết bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty CP ĐT và PT Hồng Hà	23.186.252.000	26.892.514.000
- Tiền đặt cọc cho bên bán nhà và đất	25.343.263.336	32.891.272.000
- Các khoản thu hộ nhà đầu tư	9.545.167.157	2.440.001
- Khác	4.541.122.543	-
Cộng	**62.615.805.036**	**59.786.226.001**

5.3. Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho tại ngày 31/12/2009 chủ yếu là chi phí xây dựng dở dang các dự án:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí xây dựng dở dang các dự án		
+ Dự án Sunview 1	70.961.712.381	25.350.139.502
+ Dự án sunview 2	69.451.706.117	22.037.364.455
+ Dự án Phú Gia Hưng	27.065.678.677	-
	167.479.097.175	**47.387.503.957**

Giá trị quyền sử dụng 1.579m^{2}đất xây dựng chung cư thuộc thửa đất số 322, tờ bản đồ số 54, phường Tam Phú, quận Thủ Đức là một phần của dự án Sunview 1 được thế chấp tại Ngân hàng Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long chi nhánh Gia Định.

Quyền sử dụng đất xây dựng chung cư và căn hộ chung cư Sunview 2 hình thành trong tương lai tọa lạc tại Đường Cây Keo, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh được thế chấp tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh 8.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tạm ứng	3.996.116.867	2.461.733.570
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	91.383.657.775 (*)	13.645.800.000
- Khác	2.437.000.000	-
Tổng cộng	**97.816.774.642**	**16.107.533.570**

(*) Chủ yếu là khoản đặt cọc môi giới độc quyền sản phẩm đất nền.

5.5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị, Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ HH					
Số dư ngày 1/1/2009		349.697.921	2.422.510.987	156.715.865	2.928.924.773
- Mua trong kỳ	111.598.520	242.959.234	6.022.726.218	135.711.226	6.512.995.197
Số dư ngày 31/12/2009	**111.598.520**	**592.657.155**	**8.445.237.205**	**292.427.091**	**9.441.919.970**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 1/1/2009		37.897.391	576.651.271	30.286.636	644.835.298
- Khấu hao trong kỳ	6.332.848	127.260.940	717.182.765	65.298.544	916.075.097
Số dư ngày 31/12/2009	**6.332.848**	**165.158.331**	**1.293.834.036**	**95.585.180**	**1.560.910.395**
GTCL của TSCĐ HH					
- Tại ngày 01/01/2009		311.800.530	1.845.859.716	126.429.229	2.284.089.475
- Tại ngày 31/12/2009	**105.265.672**	**427.498.824**	**7.151.403.169**	**196.841.911**	**7.881.009.575**

5.6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Trang web	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			

Số dư ngày 1/1/2009	116.153.730	107.434.600	223.588.330
- Mua trong kỳ	14.248.000		14.248.000
Số dư ngày 31/12/2009	**130.401.730**	**107.434.600**	**237.836.330**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 1/1/2009	14.519.214	13.429.326	27.948.540
- Khấu hao trong kỳ	38.442.173	34.183.736	53.949.975
Số dư ngày 31/12/2009	**52.961.387**	**47.613.062**	**100.574.449**
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
- Tại ngày 01/01/2009	101.634.516	94.005.274	195.639.790
- Tại ngày 31/12/2009	**77.440.343**	**59.821.538**	**137.261.881**

5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư vào dự án Arixen	50.000.000.000	
- Các khoản đầu tư dài hạn khác	14.177.694.263 *	1.390.000.000
Tổng cộng	**64.177.694.263**	**1.390.000.000**

(*)Trong kỳ công ty có trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn là 372.875.737 đ

5.8. Lợi thế thương mại:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Lợi thế thương mại đầu năm	32.126.751.616	-
- Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua	98.672.214	32.126.751.616
- Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	3.222.542.383	-
- Lợi thế thương mại cuối kỳ	**29.002.881.447**	**32.126.751.616**

5.9. Các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay ngân hàng Liên doanh Lào Việt	-	16.000.000.000
- Vay NH Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long	60.000.000.000	-
- Vay ngân hàng công thương Việt Nam CN8	59.980.000.000	-
Tổng cộng	**119.980.000.000**	**16.000.000.000**

Vay Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long – Chi nhánh Gia Định theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số ND.0586.09/HĐTD ngày 24/07/2009 lãi suất 0.85%/tháng. Thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng 1.579m^2 đất xây dựng thuộc thửa đất số 322, tờ bản đồ số 54, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh 8 theo hợp đồng tín dụng số 0056/HĐTD/2009 ngày 17/02/2009 lãi suất 0,83%/tháng. Thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất xây dựng chung cư và căn hộ chung cư hình thành trong tương lai tọa lạc tại Đường Dây Keo, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả trước tiền:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải trả người bán	883.459.788	9.996.901.057
- Người mua ứng trước tiền	222.220.662.715 (*)	148.834.348.392
Tổng cộng	**223.104.122.503**	**158.831.249.449**

(*) Là khoản tiền khách hàng trả tiền trước mua căn hộ và dự án bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự án Sunview 1	101.660.853.297	90.580.415.720
- Dự án Sunview 2	120.004.477.590	58.253.932.672
- Phí dịch vụ và phí khác	555.331.828	-

Cộng	**222.220.662.715**	**148.834.348.392**

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế Giá trị gia tăng	3.125.806.638	38.240.533
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.785.996.747	3.651.240.089
- Thuế thu nhập cá nhân	407.737.063	190.096.226
Tổng cộng	**10.319.540.448**	**3.879.576.848**

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	118.840.472	47.840.551
- Bảo hiểm xã hội	3.321.494	-
- Bảo hiểm y tế	772.132	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	27.863.344.614	5.434.071.640
Tổng cộng	**27.986.278.712**	**5.481.912.191**

(*) Chi tiết bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi nhánh Bình Dương	2.907.572.749	173.064.884
- Trung tâm Bình Dương	321.641.578	355.506.756
- Chi Nhánh Đồng Nai	320.672.000	-
- Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đất Xanh	2.548.611.800	-
- Phải trả phải nộp khác (**)	21.764.846.487	4.905.500.000
Tổng cộng	**27.863.344.614**	**5.434.071.640**

(**) Trong đó chủ yếu là các khoản phải trả cho bên bán nhà và đất từ việc thu hộ tiền từ khách hàng.

5.13. Vốn chủ sở hữu

a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu.

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ ĐTPT và Quỹ DPTC	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**15.000.000.000**	**-**	**-**	**11.264.852.290**	**26.264.852.290**
- Tăng trong năm trước	65.000.000.000	3.420.000.000	-	-	68.420.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	6.832.612.151	6.832.612.151
- Chia lợi nhuận	-	-	-	(9.943.885.492)	(9.943.885.492)
- Phân phối quỹ	-	-	-	(1.104.876.165)	(1.104.876.165)
Số dư đầu năm nay	**80.000.000.000**	**3.420.000.000**	**-**	**7.048.702.784**	**90.468.702.784**
- Tăng trong kỳ	-	-	1.366.522.430	-	1.366.522.430
- Lãi lũy kế trong kỳ	-	-	-	37.763.453.105	37.763.453.105
- Chia lợi nhuận	-	-	-	(4.720.000.000)	(4.720.000.000)
- Phân phối quỹ	-	-	-	(2.049.783.644)	(2.049.783.644)
Số dư ngày 31/12/2009	**80.000.000.000**	**3.420.0000.000**	**1.366.522.430**	**38.042.372.247**	**122.828.894.677**

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ (%)
- Ông Lương Trí Thìn	40.800.000.000	51,00%
- Ông Lương Trí Tú	16.439.900.000	20,55%
- Ông Lương Trí Thảo	16.565.740.000	20,70%
- Ông Trần Văn Ánh	3.000.000.000	3,75%
- Vốn góp của các đối tượng khác	3.194.360.000	4,00%
Cộng	**80.000.000.000**	**100,00%**

c- Lợi nhuận chưa phân phối:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Tại thời điểm đầu năm	**7.048.702.784**	**11.264.852.290**
- Lợi nhuận sau thuế cả năm của cổ đông của cty mẹ	37.763.453.105	6.832.612.151
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(683.261.215)	-
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(683.261.215)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng	(683.261.214)	(1.104.876.165)
- Chia cổ tức	(4.720.000.000)	(9.943.885.492)
- Tại thời điểm cuối kỳ	**38.042.372.247**	**7.048.702784**

5.14 Lợi ích của cổ đông thiểu số:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số dư tại ngày 01/01/2009	24.993.248.385	-
- Tăng từ hợp nhất kinh doanh	2.299.003.310	24.993.248.385
- Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số	(124.193.885)	-
- Số dư tại ngày 31/12/2009	**27.168.057.810**	**24.993.248.385**

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh :

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Lũy kế
Doanh thu môi giới bất động sản	25.402.081.191	84.909.410.818

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Lũy kế
Hoa hồng nhân viên môi giới	2.161.475.149	6.118.711.382

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	376.821.987	4.320.678.536

6.4. Chi phí bán hàng:

	Kỳ này	Lũy kế
- Chi phí nhân viên	1.858.448.098	9.955.792.867
- Chi phí quảng cáo	2.672.978.332	7.467.720.371
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.064.495	19.386.973
- Chi phí khấu hao TSCĐ	33.146.728	182.352.166
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.273.585	600.460.755
- Khác	126.326.130	452.314.576
Tổng cộng	**4.869.237.368**	**18.678.027.708**

6.5. Chi phí Quản lý doanh nghiệp:

	Kỳ này	Lũy kế
- Chi phí nhân viên	4.193.058.730	11.206.814.722
- Chi phí đồ dùng văn phòng	398.678.287	919.131.509
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	362.618.012	882.966.919
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.950.453.363	5.794.495.012
- Chi phí bằng tiền khác	277.751.318	1.593.448.393
- Phân bổ lợi thế thương mại	805.635.596	3.222.542.383
Tổng cộng	**7.988.195.306**	**23.742.199.102**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2009 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Những thông tin khác :

7.1. Thông tin về các bên có liên quan:

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Lương Trí Thìn	Cổ đông
Ông Lương Trí Tú	Cổ đông
Ông Lương Trí Thảo	Cổ đông
Ông Trần Văn Ánh	Cổ đông
Ông Trần Quyết Chiến	Cổ đông

Tại ngày lập bảng Cân đối kế toán, các số dư với các bên có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Các khoản tạm ứng	851.537.812	451.256.584
- Đặt cọc	20.103.440.000	-
- Phải thu	730.835.000	-
- Phải trả	1.772.821.399	
- Vay dài hạn	7.000.000.000	-

7.2. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ:

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày 31/12/2009 đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

7.3. Những thông tin khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 01 năm 2010

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỖ THỊ THÁI	LƯƠNG TRÍ THÌN